

Số: 561/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 93/TTr-SGTVT ngày 25/5/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định:

1. Danh mục 19 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang (có Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục 70 thành phần hồ sơ phải số hóa của 19 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (có Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Cập nhật, công khai thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và nơi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; hoàn thành trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình công bố quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (nếu có), hoàn thiện quy trình điện tử theo quy định; đồng thời, xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

c) Thực hiện cấu hình bắt buộc Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa nêu tại Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; thực hiện việc số hóa khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Sửa đổi danh mục 18 thủ tục hành chính lĩnh vực đường bộ số thứ tự số 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 28, Mục I công bố tại Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang và thủ tục số thứ tự 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 mục B công bố tại Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang.

2. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính số thứ tự số 40, Mục I, Phần A công bố tại Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang.

3. Thay thế Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa của 18 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ tại mục VI, phần A được công bố tại Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục 7.519 thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của 1.736 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Báo điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THCBKS_{Mai}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Tuấn

PHỤ LỤC I
DANH MỤC 19 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ
TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 561 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. DANH MỤC 19 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu (mã TTHC: 1.002030)	01 ngày làm việc ¹ kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa bàn tỉnh Tuyên Quang	1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>)	Lệ phí cấp lần đầu giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng /lần/ phương tiện.	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	x	x	Toàn trình
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn (mã TTHC: 2.000872)	01 ngày làm việc ² kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2. Trực tuyến: Cổng DVC quốc gia: https://dichvu.cong.gov.vn , hoặc Cổng DVC tỉnh: https://dichvu.cong.tuyenquang.gov.vn	Lệ phí cấp có thời hạn giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/ phương tiện		x	x	Toàn trình

¹ Cắt giảm 66,6% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

² Cắt giảm 66,6% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng (mã TTHC: 1.001919)	01 ngày làm việc ³ kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>)	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biên số tạm thời: 70.000 đồng/ lần/phương tiện	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	x	x	Toàn trình
4	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (mã TTHC: 1.001896)	- Trường hợp Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng: Tối đa 01 ngày làm việc ⁴ kể ngày nhận hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn: Tối đa 01 ngày làm việc ⁵ kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài tỉnh Tuyên Quang	2. Trực tuyến: Công DVC quốc gia: https://dichvu cong.gov.vn , hoặc Công DVC tỉnh: https://dichvu cong.tuyenquang .gov.vn	- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biên số: 200.000 đồng/lần/ phương tiện; - Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biên số: 50.000 đồng/lần/ phương tiện; - Lệ phí đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/ phương tiện		x	x	Toàn trình

³ Cắt giảm 66,6% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

⁴ Cắt giảm 66,6% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

⁵ Cắt giảm 66,6% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất (mã TTHC: 2.000847)	Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký: 01 ngày làm việc ⁶ kể từ ngày hết thời gian đăng tải	1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>)	- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký kèm theo biên số: 200.000 đồng/lần/ phương tiện; - Lệ phí cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biên số: 50.000 đồng/ lần/phương tiện	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	x	x	Toàn trình
6	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố (mã TTHC: 2.000881)	Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 01 ngày làm việc ⁷ kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	2. Trực tuyến: Cổng DVC quốc gia: https://dichvu.cong.gov.vn , hoặc Cổng DVC tỉnh: https://dichvu.cong.tuyenquang.gov.vn	Lệ phí cấp giấy đăng ký không kèm theo biên số: 50.000 đồng/lần/ phương tiện		x	x	Toàn trình
7	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (mã TTHC: 1.002007)	01 ngày làm việc ⁸ kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định		Không		x	x	Toàn trình

⁶ Cắt giảm 66,6% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

⁷ Cắt giảm 66,6% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

⁸ Cắt giảm 66,6% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
8	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyên đến (mã TTHC: 1.001994)	01 ngày làm việc ⁹ kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa bàn tỉnh Tuyên Quang	1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>)	Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biên số: 200.000 đồng/lần/ phương tiện	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biên xe máy chuyên dùng.	x	x	Toàn trình
9	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng (mã TTHC: 1.001826)	01 ngày làm việc ¹⁰ kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định	2. Trực tuyến: Công DVC quốc gia: https://dichvu cong.gov.vn , hoặc Công DVC tỉnh: https://dichvu cong.tuyenquang .gov.vn	Không		x	x	Toàn trình

⁹ Cắt giảm 66,6% thời gian giải quyết, từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

¹⁰ Cắt giảm 50% thời gian giải quyết, từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
10	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế (mã TTHC: 2.001002)	02 ngày làm việc ¹¹ , kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định			- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 29/2015/TT - BGTVT ngày 06/7/2015 quy định về cấp, sử dụng GPLX Quốc tế; số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT; và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017; số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái. - Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi một số điều của một số Thông tư quy định quy định về phí, lệ phí nhằm khuyến khích sử dụng DVC trực tuyến.	x	x	Toàn trình
11	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế (mã TTHC: 1.002300)	02 ngày làm việc ¹² , kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định	Nộp hồ sơ trực tuyến tại: https://dichvu.cong.gplx.gov.vn/	- Nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần. - Nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (đến hết ngày 31/12/2025)		x	x	Toàn trình

¹¹ Cắt giảm 60% thời gian giải quyết, từ 05 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc

¹² Cắt giảm 60% thời gian giải quyết, từ 05 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
12	Cấp mới Giấy phép lái xe (mã TTHC: 1.002835)	<p>- 06 giờ làm việc¹³ sau khi có Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch (Tại các Trung tâm sát hạch trên địa bàn thành phố).</p> <p>- 05 ngày làm việc¹⁴, sau khi có Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch (đối với Trung tâm sát hạch các huyện trên địa bàn tỉnh)</p>	Tại các Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	<p>- Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần; + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng /lần, Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần. - Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.</p>	<p>- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017; số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.</p> <p>- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>	x		Một phần

¹³ Cắt giảm 92,5 % thời gian giải quyết, từ 10 ngày làm việc còn 06 giờ làm việc

¹⁴ Cắt giảm 50 % thời gian giải quyết, từ 10 ngày làm việc còn 05 ngày làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
13	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (mã TTHC: 1.002809)	06 giờ làm việc ¹⁵ kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (<i>Quyển tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>) 2. Trực tuyến: Công DVC quốc gia: https://dichvu cong.gov.vn , hoặc Công DVC tỉnh: https://dichvu cong.tuyenquang .gov.vn	- Nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần. - Nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (<i>đến hết ngày 31/12/2025</i>)	- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017; số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái. - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	x	x	Toàn trình

¹⁵ Cắt giảm 92,5% thời gian giải quyết, từ 10 ngày làm việc còn 06 giờ làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
14	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp (mã TTHC: 1.002804)	06 giờ làm việc ¹⁶ kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần	- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017; số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	x		Một phần
15	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp (mã TTHC: 1.002801)	06 giờ làm việc ¹⁷ kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tình, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>)	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần		x		Một phần

¹⁶ Cắt giảm 85% thời gian giải quyết, từ 05 ngày làm việc còn 06 giờ làm việc

¹⁷ Cắt giảm 85% thời gian giải quyết (từ 05 ngày làm việc còn 06 giờ làm việc)

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
16	Cấp lại Giấy phép lái xe (mã TTHC: 1.002820)	<p>- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng: 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch thì được cấp lại.</p> <p>- Trường hợp Giấy phép bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên: 06 giờ làm việc¹⁸ (sau khi Hội đồng sát hạch họp, xét công nhận kết quả đạt các phần thi sát hạch)</p>	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>)	<p>- Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe mô tô A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần; + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000đồng /lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.</p>	<p>- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017; số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.</p> <p>- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>	x		Một phần

¹⁸ Cắt giảm 92,5 % thời gian giải quyết, từ 10 ngày làm việc còn 06 giờ làm việc

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
17	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp (mã TTHC: 1.002796)	06 giờ làm việc ¹⁹ kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>)	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần	- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017; số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái. - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	x		Một phần
18	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam (mã TTHC: 1.002793)	06 giờ làm việc ²⁰ kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần		x		Một phần

¹⁹ Cắt giảm 85% thời gian giải quyết, từ 05 ngày làm việc còn 06 giờ làm việc

²⁰ Cắt giảm 85% thời gian giải quyết, từ 05 ngày làm việc còn 06 giờ làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
19	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động (mã TTHC: 2.000769)	01 ngày làm việc ²¹ , kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (<i>Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải</i>)	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.	- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái. - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	x		Một phần

B. DANH MỤC 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1.	1.001970	Cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.	Cơ sở đào tạo

²¹ Cắt giảm 80% thời gian giải quyết, từ 05 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc

PHỤ LỤC II
DANH MỤC 70 THÀNH PHẦN HỒ SƠ CỦA 19 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ PHẢI SỐ HÓA
THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 01/2023/TT-VPCP NGÀY 05/4/2023
CỦA BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 561 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ phải số hóa
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
1	Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng theo mẫu;
2	Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (<i>là một trong những giấy tờ sau</i>): Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;; Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định; Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3	<p>Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (<i>là một trong những giấy tờ sau</i>): Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước; Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu; Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.</p> <p>- Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước: Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (<i>trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý</i>); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (<i>trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển</i>) theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng: Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật; Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (<i>nếu là người bị hại</i>).</p> <p>- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng; giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (<i>đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng</i>) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (<i>trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời</i>). Sở GTVT nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính</p>

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ phải số hóa	
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	
1	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;	
2	Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>);	
3	Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (<i>là một trong những giấy tờ sau</i>): Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	
4	<p>Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (<i>là một trong những giấy tờ sau</i>): Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước; Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu; Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.</p> <p>- Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước: Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (<i>trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý</i>); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (<i>trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển</i>) theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng: Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật; Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (<i>nếu là người bị hại</i>).</p>	
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	
1	Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu;	
2	Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (<i>bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>) là một trong những giấy tờ sau: Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ phải số hóa
3	<p>Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (<i>bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>) là một trong những giấy tờ sau: Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước; Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu; Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.</p> <p>- Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước: Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (<i>trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý</i>); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (<i>trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển</i>) theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật; Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (<i>nếu là người bị hại</i>).</p>
4	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
1	Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng;
2	Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp;
3	Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo;
4	Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp đổi với trường hợp chủ sở hữu thay đổi thông tin liên quan (<i>bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>).
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
1	Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu;
2	Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu.
6	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
1	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;
2	Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (<i>là một trong những giấy tờ sau</i>): Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (<i>bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>).

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ phải số hóa	
7	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
	1	Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;
	2	Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (<i>là một trong những giấy tờ sau</i>): Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
	3	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (<i>bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực</i>).
8	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	
	1	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định;
	2	Bản chính Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp theo quy định kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.
9	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	
	1	Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;
	2	Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (<i>trừ trường hợp bị mất</i>).
10	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	
	1	Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu quy định
11	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	
	1	Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu quy định
12	Cấp mới Giấy phép lái xe	
	*	<i>Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu</i>
	1	Hồ sơ do người học lái xe nộp: Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định; Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài; Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.
	2	Hồ sơ do Cơ sở đào tạo lái xe nộp: Hồ sơ của người học lái xe; Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C; Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.
	*	<i>Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F</i>
	1	Hồ sơ do người học lái xe nộp: Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định; Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài; Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định; Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch); Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu quy định.
	2	Hồ sơ do Cơ sở đào tạo lái xe nộp: Hồ sơ của người học lái xe; Chứng chỉ đào tạo nâng hạng; Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.
	*	<i>Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1, hạng A4</i>

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ phải số hóa
1	Hồ sơ của người học lái xe: Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.
2	Hồ sơ do Cơ sở đào tạo lái xe nộp: Hồ sơ của người học lái xe; Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4; Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.
13	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
1	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
2	Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;
3	Bản sao giấy phép lái xe và hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (<i>đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài</i>).
14	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
1	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định.
2	Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký
3	Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3
4	Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.
15	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
*	<i>Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995 (Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp). Hồ sơ bao gồm:</i>
1	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
2	Hồ sơ gốc (nếu có);
*	<i>Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995</i>
1	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
2	Bản sao giấy phép lái xe; Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân
3	Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.
*	<i>Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:</i>
1	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định
2	Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;
3	Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân
4	Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ phải số hóa
16	Cấp lại Giấy phép lái xe
*	<i>Trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng</i>
1	Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
2	Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài
3	Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định
*	<i>Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng</i>
1	Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định
2	Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);
3	Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3.
*	<i>Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý</i>
1	Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định
2	Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có);
3	Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;
4	Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định
17	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
1	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe;
2	Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;
3	Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định; trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;
4	Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ; bản sao giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài
18	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
1	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định
2	Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;
3	Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;
4	01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân

STT	Tên Thủ tục hành chính/Thành phần hồ sơ phải số hóa
19	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động
1	Đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ theo mẫu quy định;
2	03 ảnh màu kích thước 2x3cm chụp không quá 06 tháng, kiểu Giấy chứng minh nhân dân